

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

PHẦN A. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2021

I. Thực hiện nhiệm vụ quản trị và điều hành của HĐQT và Ban TGD

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của PVI, Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2021 và tổ chức thực hiện, giám sát việc thực hiện các nghị quyết HĐQT
- PVI liên tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trong đó: Xây dựng và điều chỉnh hệ thống các quy trình quy chế hoạt động, quản lý, quản trị một cách đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị rủi ro; Tăng cường giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ máy điều hành; Chú trọng chỉ đạo và triển khai công tác kiểm tra giám sát định kỳ và thường xuyên tại các công ty con.
- Công tác KTNB đã bám sát và hoàn thành kế hoạch hoạt động đã được HĐQT phê duyệt mặc dù thời gian thực hiện các cuộc kiểm toán có sự trì hoãn do quy định về giãn cách xã hội tháng 7,8 và 9/2021 vì ảnh hưởng của Covid-19. Sau mỗi cuộc kiểm toán, KTNB đều có kiến nghị để các đơn vị hoàn thiện quy định nội bộ, công tác tuân thủ, cơ chế kinh doanh và tài chính kế toán. KTNB xây dựng cơ chế giám sát các đơn vị thực hiện các kiến nghị tại các biên bản kiểm toán.
- Đối với công tác giám sát với vai trò người đại diện giám sát tại các công ty con, hàng Quý Ban KTNB đã thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định. Ngoài các hoạt động kiểm tra nói trên, trong năm 2021, Ban KTNB đã sửa đổi bổ sung quy chế KTNB cho phù hợp với tình hình quản trị tại PVI và đã thực hiện rà soát và đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản Quy chế, Quy định của HĐQT.
- Công tác Pháp chế và quản trị rủi ro: Đối với dự án Quản trị rủi ro, trong kỳ đã hoàn thành Giai đoạn 1 và đang tiếp tục làm việc với tư vấn Deloitte Việt Nam thực hiện giai đoạn 2; Liên quan đến những công việc trong lộ trình 2 năm được thực hiện bởi nội bộ PVI, Ban PC và QTRR đã hoàn thành việc Ban hành Quy chế Tuân Thủ, Quy chế Quản trị Rủi ro, Ban hành Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2022 cũng như các Quy trình, Quy định liên quan đến công tác quản trị rủi ro như Quy trình báo cáo lợi ích các bên liên quan, Quy trình giao kết và quản lý hợp đồng... Song song là việc thực hiện chức năng Pháp chế và Tuân thủ bằng việc tham gia rà soát pháp lý của các hợp đồng nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của PVI đúng quy định của Pháp luật.
- Về hoạt động kinh doanh: PVI đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2021:

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
I	Doanh thu	10.411	11.107	107%
III	Lợi nhuận trước thuế	875	1.101	126%
IV	Lợi nhuận sau thuế	729	871	119%
V	Nộp ngân sách NN	658	935	142%

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 của PVI đạt **11.107 tỷ đồng**, hoàn thành **107%** kế hoạch năm 2021, trong đó: Doanh thu hoạt động bảo hiểm: **10.048 tỷ đồng**, hoàn thành **106%** KH. Doanh thu hoạt động tài chính, cho thuê VP và khác: **1.059 tỷ đồng**, hoàn thành **116%** KH năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: **1.101 tỷ đồng**, tăng 22 tỷ so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành **126%** kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt: **871 tỷ đồng**, hoàn thành **119%** kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước đạt **935 tỷ đồng**, hoàn thành **142%** kế hoạch.

+ Thực hiện kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% TH/KH
I	Doanh thu	986	1.147	116%
II	Chi phí	331	301	91%
III	Lợi nhuận trước thuế	655	846	129%
IV	Lợi nhuận sau thuế	643	821	128%
V	Nộp ngân sách NN	28	66,6	238%
VI	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến (%)	24%		121%

- Tổng doanh thu đạt **1.147 tỷ đồng**, hoàn thành **116%** kế hoạch năm 2021;
- Lợi nhuận trước thuế đạt **846 tỷ đồng**, hoàn thành **129%** kế hoạch năm 2021;

Lợi nhuận sau thuế đạt **821 tỷ đồng**, hoàn thành **128%** kế hoạch năm 2021; Với kết quả kinh doanh vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, PVI dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ tỷ lệ chi trả cổ tức là , cho năm 2021, cao hơn tỷ lệ 24% được ĐHĐCĐ giao.

II. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

BKS đánh giá PVI đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. BKS xác nhận Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất của PVI được lập vào ngày 18/02/2022 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của

Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của PVI cũng đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần và được công bố theo đúng quy định.

1. Đối với BCTC Công ty mẹ:

1.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN				NGUỒN VỐN			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%)	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%)
A. Tài sản NH	1.349.272	1.422.033	105%	A. Nợ phải trả	358.211	360.011	101%
1. Tiền và TĐ tiền	101.602	88.087	87%	1. Nợ ngắn hạn	152.506	162.100	106%
2. Đầu tư TCNH	894.000	997.047	112%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.683	37.059	347%
3. Phải thu ngắn hạn	276.119	262.039	95%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	892	101	11%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(44.745)	(4.828)	11%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	6.707	12.098	180%
5. Hàng tồn kho	752	554	74%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	81.437	77.775	96%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-		2. Nợ dài hạn	205.704	197.911	96%
7. TS NH khác	76.799	74.307	97%	2.1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	178.584	169.747	95%
B. Tài sản Dài hạn	5.508.285	6.084.728	110%	B. Vốn Chủ SH	6.499.346	7.146.750	110%
1. Tài sản cố định	114.312	99.873	87%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	0%
2. BĐS Đầu tư	1.214.963	1.179.385	97%				
3. Đầu tư tài chính DH	4.118.305	4.755.866	115%				
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(37.236)	(27.115)	73%	2. Lợi nhuận chưa phân phối	759.531	908.461	120%
5. Phải thu dài hạn	931	531	57%	2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	43.534	87.349	201%
6. Tài sản dài hạn khác	59.775	49.073	82%	2.2. LNST chưa PP kỳ này	715.997	821.112	115%
Tổng tài sản	6.857.557	7.506.761	109%	Tổng nguồn vốn	6.857.557	7.506.761	109%

- Tại ngày 31/12/2021, Tổng tài sản công ty mẹ là 7.507 tỷ đồng, tăng 649 tỷ (9%) so với thời điểm 31/12/2020, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (103 tỷ), đầu tư tài chính dài hạn (637 tỷ).

- Cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 8,7 lần. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,0503 lần.

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,05	0,05
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,06	0,05
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	8,84	8,77
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	8,85	8,77
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	19,14	20,85
6	ROE (%)	10%	12%
7	ROA (%)	10%	11,4%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	67%	72%
9	LN/VCSH (bình quân năm)	11,02%	11,49%
10	LN HĐTC/VCSH (bình quân năm)	12,15%	12,23%

- Các chỉ số tài chính của đơn vị biến động theo chiều hướng tốt hơn, tình hình tài chính an toàn: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát đều tăng so với đầu kỳ.
- Hoạt động đầu tư được đẩy mạnh, đa dạng hóa và cập nhật để đối ứng với xu thế giảm của lãi suất tiền gửi ngân hàng, do đó các chỉ số ROE, ROA, ROS, LN/VCSH và LVĐT/VCSH đều có xu hướng tăng.

1.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi (có kỳ hạn và không kỳ hạn), Tạm ứng):

- Trong năm 2021, HĐQT PVI đã rà soát và ban hành Nghị quyết số 55/NQ-PVI ngày 19/05/2021 về việc phê duyệt ban hành Quy chế Đầu tư áp dụng thống nhất cho toàn hệ thống và là khuôn khổ, nguyên tắc để Người đại diện PVI tại các đơn vị thành viên triển khai xây dựng Quy chế Đầu tư tại đơn vị mình.
- HĐQT PVI cũng ban hành Nghị quyết số 108/NQ-PVI ngày 27/09/2021 về việc ban hành Quy chế Quản lý chi phí, theo đó quy định về việc quản lý, thanh toán các khoản chi phí; cũng như quy định các định mức, hướng dẫn cách thức thực hiện và thanh toán các khoản chi phí, mua sắm
- Trong kỳ, công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- HĐQT PVI cũng phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đủ điều kiện thực hiện đầu tư tiền gửi năm 2021-2022 tại NQ số 111/NQ-PVI ngày 13/10/2021.
- Các khoản đầu tư tài chính tuân thủ theo các quy định tại Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Đầu tư thể hiện ở danh sách các ngân hàng thực hiện đầu tư tiền gửi, hạn mức, tỷ lệ phân bổ giữa các nhóm Ngân hàng...

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (trình bày lại)	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Tiền	28.087	66.602	(38.515)	-58%
2. Các khoản tương đương tiền	60.000	35.000	25.000	71%
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	997.047	894.000	103.047	12%
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	313.000	100.000	213.000	213%

b. Quản lý công nợ phải thu:

Nợ phải thu tại 31/12/2021 là 262 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu là nợ phải thu ngắn hạn. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi là 4,8 tỷ đồng, giảm xấp xỉ 40 tỷ so với đầu kỳ do trong kỳ PVI đã thu hồi được công nợ từ dự án Tincom Pháp Vân với Liên danh Công ty TNHH Nam Đại Phong và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư TM Thăng Long; và trong kỳ công ty đã thực hiện xóa sổ kế toán và hạch toán ngoại bảng đối với khoản nợ phải thu PVI Finance. Trong kỳ đơn vị quản lý tốt các khoản công nợ phải thu.

c. Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:

Hội đồng kiểm kê tài sản của PVI được thành lập theo QĐ số 208/QĐ-PVI ngày 23/12/2021 đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của PVI khi phát sinh các tình huống liên quan đến kiểm kê tài sản công cụ dụng cụ tại ngày 31/12/2021.

d. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

TGD PVI đã ký Quyết định số 128/QĐ-PVI ngày 10/08/2021 về việc ban hành Quy định Quản lý sử dụng tài sản cố định, công cụ dụng cụ của PVI.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Chênh lệch (Tăng/giảm)	Tỷ lệ
II. Tài sản cố định	99.873	114.312	(14.439)	-13%
1. Tài sản cố định hữu hình	99.617	114.112	(14.495)	-13%
<i>Nguyên giá</i>	243.478	241.061	2.417	1%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(143.861)	(126.950)	(16.912)	13%
2. Tài sản cố định vô hình	256	201	56	28%
<i>Nguyên giá</i>	6.993	6.811	182	3%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(6.737)	(6.611)	(126)	2%
III. Bất động sản đầu tư	1.179.385	1.214.963	(35.579)	-3%
<i>Nguyên giá</i>	1.456.830	1.456.945	(115)	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(277.446)	(241.982)	(35.464)	15%

- BCTC riêng phản ánh Tài sản cố định, bất động sản đầu tư giảm nhẹ so với đầu kỳ tương ứng với giá trị trích khấu hao trong kỳ. Đối với các căn hộ thuộc dự án The Costa Nha Trang, hiện tại, Công ty đang tiếp tục triển khai kế hoạch cụ thể để thu hồi toàn bộ giá trị khoản bất động sản đầu tư này.
- Tại ngày 31/12/2021, Bất động sản đầu tư giảm 35 tỷ, TSCĐ giảm 14 tỷ so với đầu kỳ, chủ yếu do trích khấu hao trong kỳ theo quy định.

- Trong năm 2021 PVI Holdings đã thực hiện điều chuyển một số xe ô tô sang TCT Bảo hiểm PVI và Trung tâm KDDV&CNTT nhằm sắp xếp tối ưu hóa công năng, mục đích sử dụng trong toàn hệ thống.

e. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Không có

f. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị góp vốn	% nắm giữ	Dự phòng đã trích	Cổ tức trả Cty Mẹ trong kỳ	Kết quả hoạt động SXKD	
					Doanh thu	LNST
I. Công ty con	...					
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	3.100.000	100%		604.109	10.199.992	635.904
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI	532.268	73.11%		133.067	2.026.604	145.781
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	46.940	89%		6.230	39.713	8.136
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	227.273	22.73%		20.455	104.279	85.617
Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI	520.000	34.67%		35.360	119.973	109.486
II. Các khoản đầu tư khác	-					
Đầu tư vào đơn vị khác (PVR)	43.500		(27.115)			

Tính đến thời điểm báo cáo PVI đang tham gia đầu tư vào 6 Công ty/ Quỹ đầu tư với tổng giá trị góp vốn theo mệnh giá 4.470 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư vào 5 công ty/quỹ đầu tư:
 - + Tổng công ty bảo hiểm PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 100% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2021: Doanh thu đạt 10.200 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 636 tỷ đồng.
 - + Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 73,11% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2021: Doanh thu 2.026 tỷ, Lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 146 tỷ đồng.
 - + Công ty cổ phần Quản lý quỹ PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 89% vốn điều lệ, kết quả kinh doanh năm 2021: Doanh thu đạt 39,7 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 8,1 tỷ đồng.
 - + Quỹ đầu tư cơ hội PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 22,73% vốn điều lệ, thực hiện kết quả lợi nhuận là 85,6 tỷ đồng.
 - + Quỹ đầu tư hạ tầng PVI với tỷ lệ tham gia góp vốn 34,67% vốn điều lệ, thực hiện kết quả LN là 102 tỷ đồng.
- Đầu tư dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam (PVR) với tổng mức đầu tư là 43,5 tỷ đồng.

g. Quản lý công nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại 31/12/2021 đạt 360 tỷ đồng.
- Hệ số nợ phải trả/VCSH là 0,05 lần, giảm nhẹ so với đầu kỳ (0,06 lần) tương ứng với việc gia tăng năng lực tự tài trợ tài chính so với thời điểm đầu năm.

h. Xử lý nợ xấu:

Theo BCTC riêng đã được kiểm toán của PVI Holdings, tại ngày 31/2/2021 số dư nợ khó đòi đã xử lý của PVI Holdings là 277 tỷ đồng, tăng nhẹ so với đầu năm do trong năm đã xử lý hạch toán ngoại bảng các khoản nợ không có khả năng thu hồi. Việc xử lý nợ của Công ty được thực hiện theo đúng quy định về quản lý nợ của PVI.

i. Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác: không có

j. Trích lập dự phòng:

- Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng theo quy định của Bộ tài chính và Quy chế Quản lý tài chính của công ty.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (37 tỷ) giữ nguyên so với đầu kỳ.
- Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (27 tỷ) giảm 10 tỷ so với đầu kỳ do tại thời điểm lập BCTC, giá đóng cửa của mã chứng khoán PVR biến động tăng.
- Dự phòng phải thu khó đòi (4,8 tỷ) giảm 39 tỷ so với đầu kỳ do trong kỳ PVI đã thu đòi được công nợ từ khoản đầu tư với liên danh Tincom Nam Đại Phong. Khoản dự phòng này được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hoặc các khó khăn tương tự.
- Đối với các căn hộ tại Dự án The Costa Nha Trang, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất theo nguyên tắc thận trọng và ghi nhận tài sản thuế hoãn lại trên Bảng cân đối kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (trình bày lại)	Chênh lệch Cuối kỳ/Đầu kỳ		Tỷ lệ /vốn Điều lệ
			Số tiền	Tỷ lệ	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	(1,58%)
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(27.115)	(37.236)	10.121	(27%)	(1,16%)
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.828)	(44.745)	39.917	(89%)	(0,21%)
4. Dự phòng phải trả dài hạn	197	197	-	0%	0,01%

k. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số đầu kỳ (trình bày lại)	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	12.786	12.786	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.216	24.927	19.556	6.588

Thuế, phí phải nộp khác	5.491	28.942	28.923	5.510
Cộng	6.707	66.655	61.265	12.098

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, không tồn tại các khoản nợ đọng nào. Năm 2021 công ty mẹ thực hiện nộp NSNN là 61 tỷ, đạt 290% so với kế hoạch năm (21 tỷ) và 140% so với cùng kỳ năm trước (44 tỷ).

1. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

- Thực hiện Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021, Công ty thực hiện trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 4% lợi nhuận sau thuế được phân phối, và trích Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 1% lợi nhuận sau thuế được phân phối, tổng cộng 35 tỷ.
- Trong năm 2021, Công ty không thực hiện trích Quỹ Đầu tư phát triển. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2021 là 179 tỷ đồng, không thay đổi so với đầu kỳ. Toàn bộ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối đã được sử dụng để đầu tư vào các công ty con và các tài sản khác nhằm mục đích sinh lợi.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2.342	3.508	(57)	179	593	6.566
Lợi nhuận trong năm (trình bày lại)	-	-	-	-	716	716
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46)	(46)
Biến động cổ phiếu quỹ	-	-	(233)	-	-	(233)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(503)	(503)
Số dư đầu kỳ này (trình bày lại)	2.342	3.508	(290)	179	760	6.499
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	821	821
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(35)	(35)
Biến động cổ phiếu quỹ	-	208	290	-	-	498
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(637)	(637)
Số dư cuối kỳ này	2.342	3.717	-	179	908	7.147

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu thuần bán hàng	274.309	274.751	(441)	-0.2%
2. Giá vốn hàng bán	190.395	184.124	6.271	3.4%
3. Lãi gộp	83.914	90.627	(6.712)	-7.4%

4. Doanh thu tài chính	869.782	795.391	74.391	9.4%
5. Chi phí tài chính	(4.599)	5.768	(10.367)	-180%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	100.803	146.125	(45.322)	-31.0%
8. Thu nhập khác	2.731	308	2.424	787.8%
9. Chi phí khác	14.185	4.130	10.054	243.4%
10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	846.040	730.302	115.737	15.8%
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.927	14.022	10.906	77.8%
12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	284	(284)	-100.0%
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	821.112	715.997	105.116	14.7%

- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 1.147 tỷ đồng bằng 107% so với cùng kỳ năm 2020 đạt 99% so với kế hoạch năm. Trong đó chủ yếu là Doanh thu từ hoạt động ĐTTC đạt 870 tỷ chiếm 76%, Doanh thu cho thuê văn phòng đạt 207 tỷ chiếm 18%, còn lại là doanh thu hoạt động CNTT 67 tỷ chiếm xấp xỉ 6%.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 821 tỷ đồng, bằng 114,7% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 106% kế hoạch năm.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

2.1. Tình hình tài chính tại thời điểm báo cáo:

a. Các chỉ tiêu tổng hợp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN (VND)				NGUỒN VỐN (VND)			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%)	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%)
A. Tài sản NH	18.232.625	21.116.156	116%	A. Nợ phải trả	15.069.970	16.442.138	109%
1. Tiền và TĐ tiền	1.143.601	1.015.036	89%	1. Nợ ngắn hạn	15.008.777	16.375.454	109%
2. Đầu tư TCNH	7.420.264	9.047.730	122%	1.1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.627	30.364	286%
3. Phải thu ngắn hạn	9.255.352	10.524.886	114%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	3.369.980	2.884.463	86%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	(276.324)	(231.454)	84%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	136.397	147.399	108%
5. Hàng tồn kho	960	1.168	122%	1.4. Phải trả ngắn hạn khác	127.885	163.890	128%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-		2. Nợ dài hạn	61.193	66.684	109%
7. TS NH khác	412.448	527.336	128%	2.1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	33.065	37.512	113%
B. Tài sản Dài hạn	4.056.503	3.165.945	78%	B. Vốn Chủ SH	7.219.158	7.839.963	109%
1. Tài sản cố định	358.497	330.869	92%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	2.342.419	2.342.419	100%
2. BĐS đầu tư	1.082.930	1.051.864					
3. Đầu tư tài chính DH	2.465.055	1.649.300	67%				
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(44.892)	(35.109)	78%	2. Lợi nhuận chưa phân phối	952.949	1.063.661	112%
5. Phải thu dài hạn	24.195	24.478	101%	2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	169.708	270.615	159%
6. Tài sản dài hạn khác	125.440	109.053	87%	2.2. LNST chưa PP kỳ này	783.241	793.046	101%
Tổng tài sản	22.289.128	24.282.101	109%	Tổng nguồn vốn	22.289.128	24.282.101	109%

- Tại ngày 31/12/2021, Tổng tài sản hợp nhất là 24.282 tỷ đồng, tăng 1.993 tỷ (9%) so với thời điểm 31/12/2020, chủ yếu do tăng các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn (1.627 tỷ), phải thu ngắn hạn (1.269 tỷ) chủ yếu là tài sản tái bảo hiểm phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các công ty con.

- Cơ cấu Tài sản Nguồn vốn của Công ty thể hiện tính thanh khoản tốt và an toàn về tài chính. Tỷ lệ thanh toán nợ đến hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) là 8,7 lần. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,05 lần.

b. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,68	0,68
2	Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	2,09	2,10
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,21	1,29
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	1,21	1,20
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,48	1,48
6	ROE (%)	10%	11%
7	ROA (%)	3%	3,5%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	15%	15%
9	Tỷ lệ tổn thất	40,14%	35,91%
10	Tỷ lệ chi phí	50,15%	54,35%
11	Tỷ lệ kết hợp	90,29%	90,26%
12	LN/VCSH (bình quân năm)	11,99%	11,57%
13	LN HĐTC/VCSH (bình quân năm)	10,69%	9,81%

- Tài chính an toàn, các chỉ số tài chính của đơn vị biến động theo hướng tốt hơn: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát đều tăng thể hiện công ty đã quản lý tốt dòng tiền.
- Tỷ lệ kết hợp giảm nhẹ so với đầu kỳ. Mặc dù trong năm 2021 dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp và PVI phải chi trả cho các vụ tổn thất lớn (tổn thất Rotor của NMD Vũng Áng, tổn thất lũ lụt ở châu Âu...) nhưng do PVI có cơ chế kiểm soát tốt chi phí, có sự thẩm định và đánh giá rủi ro kỹ lưỡng với các tiêu chuẩn khắt khe trước khi cấp đơn nên tỷ lệ tổn thất giảm 4,23%. Tỷ lệ chi phí tăng nhẹ do trong năm các đơn vị thành viên tăng cường các hoạt động thúc đẩy khai thác bán hàng qua đại lý, môi giới, kênh thương mại điện tử trong bối cảnh dịch bệnh, do đó tỷ lệ kết hợp vẫn giảm nhẹ.
- Khả năng sinh lời của công ty tốt thể hiện ở tỷ suất Lợi nhuận/ Vốn CSH đạt 11,57%, trong đó tỷ suất Lợi nhuận hoạt động ĐTTC đạt xấp xỉ 10% trong tình hình khó khăn chung của thị trường tài chính với mặt bằng lãi suất tiền gửi bình quân chỉ xấp xỉ 4,5-6%/năm.

2.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

a. Công tác quản lý vốn bằng tiền (Tiền mặt, Tiền gửi, Tạm ứng):

- Trong kỳ, công ty không có phát sinh công nợ tạm ứng quá hạn. Các khoản thanh toán chi phí hàng ngày được thực hiện đúng theo quy định.
- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm nhẹ so với đầu kỳ, do công ty đã biết tận dụng mọi nguồn lực để tối ưu hóa hiệu quả của nguồn tiền nhàn rỗi.
- Các khoản Đầu tư tài chính tăng 9% (876 tỷ đồng) so với đầu kỳ, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư ngắn hạn (2.588 tỷ đồng, 47%)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.015.036	1.143.601	(128.566)	-11%
1. Tiền	286.036	342.901	(56.866)	-17%
2. Các khoản tương đương tiền	729.000	800.700	(71.700)	-9%
II. Đầu tư tài chính	10.667.601	9.800.167	867.434	9%
1. Chứng khoán kinh doanh	951.747	1.912.791	(961.044)	-50%
2. Đầu tư nắm giữ ngắn hạn đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	8.133.069	5.544.559	2.588.510	47%
3. Đầu tư nắm giữ dài hạn đến ngày đáo hạn (dài hạn)	1.619.870	2.379.903	(760.033)	-32%

b. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Nợ ngắn hạn	16.375.454	15.008.777	1.366.676	9%
II. Nợ dài hạn	66.684	61.193	5.492	9%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.524.886	9.255.352	1.269.534	14%
IV. Các khoản phải thu dài hạn	24.478	24.195	283	1%

- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất là hơn 16.442 tỷ tăng 9% so với đầu kỳ, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn là 16.375 tỷ chiếm 99,6%
- Nợ phải thu tại 31/12/2021 là 10.549 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn 10.525 tỷ chiếm.
- Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh Bảo hiểm và Tái bảo hiểm, công nợ phải thu – phải trả sẽ được thanh toán theo hình thức đối trừ, nên về tổng thể, công nợ của PVI tại BCTC hợp nhất chủ yếu là công nợ phải trả các đối tác, khách hàng.

c. Quản lý tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, Bất động sản đầu tư):

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch	
			Giá trị	%
II. Tài sản cố định	330.869	358.497	(27.628)	-8%
1. Tài sản cố định hữu hình	287.241	310.002	(22.761)	-7%
<i>Nguyên giá</i>	584.740	576.925	7.815	1%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(297.499)	(266.923)	(30.576)	11%
2. Tài sản cố định vô hình	43.628	48.495	(4.867)	-10%
<i>Nguyên giá</i>	162.571	161.388	1.183	1%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(118.942)	(112.892)	(6.050)	5%
III. Bất động sản đầu tư	1.051.864	1.082.930	(31.066)	-3%
<i>Nguyên giá</i>	1.309.555	1.309.670	(115)	0%
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(257.691)	(226.740)	(30.951)	14%

IV. Tài sản dở dang dài hạn	381	386	(5)	-1%
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	381	386	(5)	-1%

- BCTC hợp nhất phản ánh Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư giảm nhẹ so với đầu kỳ tương ứng với giá trị trích khấu hao trong kỳ.
- Nguyên giá TSCĐ trong kỳ tăng 7,8 tỷ chủ yếu do mua sắm mới Phương tiện vận tải (4,7 tỷ đồng) tại Trụ sở chính và các chi nhánh của Bảo hiểm PVI; và tăng do mua sắm trang thiết bị văn phòng (8,3 tỷ đồng) chủ yếu tại PVI Holdings (7,6 tỷ đồng) là các thiết bị CNTT như 3 tỷ – 5 máy chủ cho Bảo hiểm PVI, 3 tỷ - Máy chủ dự phòng Barracuda và các thiết bị khác.

d. Các khoản trích lập dự phòng:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Chênh lệch		Tỷ lệ/vốn Điều lệ
			Giá trị	%	
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(37.086)	(37.086)	-	0%	-2%
2. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(231.454)	(276.324)	44.871	-16%	-10%
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(35.109)	(44.892)	9.782	-22%	-1%
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	12.012.097	10.581.612	1.430.485	14%	513%
5. Dự phòng phải trả dài hạn	1.604	1.604	-	0%	0,1%

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 44 tỷ so với đầu kỳ do trong kỳ PVI đã nhận được khoản thanh toán công nợ từ Nam Đại Phong và giảm trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư PVI Finance.

e. Tình hình nộp ngân sách nhà nước:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã thực nộp/ thực thu	
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(31)		
Cộng	31	(31)		
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	62.028	550.419	542.553	69.895
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.796	232.266	233.879	52.183
Thuế, phí phải nộp khác	20.573	152.806	148.057	25.321
Cộng	136.397	935.491	924.489	147.399

Trong năm 2021, số phát sinh phải nộp NSNN hợp nhất là 935 tỷ đồng, đạt 142% so với kế hoạch (658 tỷ), trong đó Thuế GTGT là 550 tỷ chiếm xấp xỉ 59%

Trong kỳ PVI không phát sinh các khoản nợ đọng về Thuế.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Diễn giải	Cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo	So sánh tăng/giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu thuần bán hàng	4.783.853	4.966.641	182.788	4%
2. Giá vốn hàng bán	3.846.764	3.912.998	66.234	2%
3. Lãi gộp	937.089	1.053.643	116.554	12%
4. Doanh thu tài chính	828.117	854.836	26.719	3%
5. Chi phí tài chính	59.481	117.058	57.577	97%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	623.781	678.521	54.740	9%
7. Thu nhập khác	-	-	-	48%
8. Chi phí khác	2.881	4.272	1.391	169%
9. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.938	15.974	10.036	2%
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.078.887	1.101.198	22.311	7%
11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	218.072	232.254	14.182	50%
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.127)	(1.686)	(559)	1%

- Trong năm 2021, tổng doanh thu hợp nhất đạt 11.107 tỷ đồng, trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 10.247 tỷ đồng (chiếm 92,3% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động tài chính đạt 854 tỷ đồng (chiếm 7,69% tổng doanh thu), doanh thu khác là 4.3 tỷ đồng.
 - + Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc: Doanh thu phí BH gốc đạt 8.291 tỷ đồng,
 - + Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm: Doanh thu phí nhận TBH đạt 1.035 tỷ đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2021 là 10.005,5 tỷ đồng, trong đó: các khoản giảm trừ doanh thu 5.281 tỷ đồng (bao gồm dự phòng phí và phí nhượng tái), giá vốn hàng bán là 3.913 tỷ đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 678,5 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính là 117 tỷ đồng và chi khác gần 16 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất đạt 1.101 tỷ đồng, tăng 22,3 tỷ đồng (2%) so với đầu kỳ. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 870 tỷ, tăng 8,7 tỷ đồng (1%) so với cùng kỳ năm trước.

III. Thẩm định Báo cáo hoạt động của HĐQT

- Báo cáo hoạt động của HĐQT đã phản ánh đầy đủ các hoạt động quản trị doanh nghiệp của HĐQT trong năm 2021.
- HĐQT đã tổ chức buổi họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 28/4/2021. ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ, ngoài việc thông qua các nội dung báo cáo định kỳ hàng năm thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo hoạt động của HĐQT & BKS, Phương án phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021, Phương án chi trả thù lao..., ĐHĐCĐ đã thông qua một số vấn đề quan trọng như việc Sửa đổi

Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS, Quy chế Quản trị nội bộ và thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với TS. Christian Hinsch.

- Ngày 30/07/2021, PVI cũng đã tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ bất thường tại Hà Nội theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến và ban hành Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ gồm những nội dung quan trọng sau: (i) Thông qua việc chuyển TV HĐQT – Bà Bùi Thị Nguyệt sang làm TV độc lập HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 – 2022. (ii) Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực PVI kiêm giữ chức vụ Tổng giám đốc PVI thời hạn 05 năm kể từ ngày 29/07/2021.
- Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 07 phiên họp vào các ngày 26/3/2021, 22/4/2021, 10/6/2021, 8/7/2021, 27/7/2021, 24/8/2021, 30/11/2021 để đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch kinh doanh (KHKD) hàng quý/năm, rà soát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT, triển khai các kiến nghị của Ban Kiểm soát..., HĐQT có 37 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, đã ban hành 138 Nghị quyết HĐQT để định hướng, chỉ đạo Ban điều hành PVI hoàn thành KHKD năm 2021 về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, triển khai tốt các hoạt động về tái cấu trúc, quản trị công ty và hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và chỉ đạo đẩy mạnh phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín của PVI trên thị trường đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống.
- Trong năm 2021, các Ủy ban thuộc HĐQT (Ủy ban Chiến lược & Phát triển, Ủy ban Kiểm toán & Quản trị rủi ro, Ủy ban Đầu tư, Ủy ban Thù lao & Bổ nhiệm) đã phát huy vai trò và tăng cường hiệu quả hoạt động. Các Ủy ban đã họp định kỳ hàng quý trước các cuộc họp HĐQT để thực hiện tư vấn, tham mưu cho HĐQT về các nội dung: xây dựng, hoàn thiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế/ Quy định nội bộ; rà soát hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua các Quỹ; kiến toàn nhân sự cấp cao... giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống PVI

IV. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với các HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.
- Đại diện HĐQT, Ban điều hành và những cán bộ quản lý khác đã tham gia đầy đủ các cuộc họp BKS theo thư mời, đồng thời trao đổi, thảo luận cùng các thành viên BKS để kịp thời đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp đóng góp cho công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh.

V. Báo cáo về công tác giám sát việc thực hiện báo cáo giao dịch của người có liên quan:

1. Giám sát việc thực hiện báo cáo đánh giá các giao dịch của người có liên quan:

Thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 290, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc đánh giá các giao dịch của người có liên quan. PVI đã xây dựng quy trình lập báo cáo và theo dõi các giao dịch của người có liên quan.

a. Việc xây dựng Quy định/Quy trình:

TGD PVI đã ban hành Quy trình lập báo cáo các lợi ích liên quan (QT.01.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 15/09/2021 và thông báo yêu cầu thực hiện quy trình. Việc kê khai lần đầu đã được thực hiện đầy đủ và các cá nhân có trách nhiệm cập nhật khi có thay đổi.

TGD PVI cũng đã ban hành Quy trình (QT.02.PCTT&QTRR) áp dụng từ ngày 01/10/2021 về giao kết và quản lý hợp đồng trong đó đảm bảo việc giao dịch với các bên liên quan được phê duyệt đầy đủ bởi cấp có thẩm quyền.

b. Việc theo dõi thực hiện:

Việc theo dõi những cập nhật kê khai lợi ích liên quan do Ban Pháp chế Tuân thủ và Quản trị rủi ro phụ trách, hàng quý có báo cáo BKS tình hình thực hiện trong quý.

c. Đánh giá của BKS:

PVI và các cá nhân liên quan cơ bản đã tuân thủ việc công bố thông tin về việc giao dịch và kết quả giao dịch. PVI đã xây dựng, sửa đổi và bổ sung thêm các Quy định/ Quy trình để phù hợp với hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp. Các báo cáo giám sát, quản trị rủi ro được thực hiện đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ Ban Kiểm soát nâng cao hơn vai trò giám sát.

2. Chi tiết giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần PVI (PVI Holdings)		10.723.300	4,58%	0	0%	Bán cổ phiếu quỹ
2	HDI Global SE		99.179.321	42,34%	88.983.909	37,98%	Cơ cấu lại danh mục đầu tư
3	Funderburk Lighthouse		27.117.895	11,57%	27.399.395	11,69%	Cơ cấu lại danh mục đầu tư
4	Phạm Anh Đức	PTGD	34,238	0.01%	0	0%	Cơ cấu tài chính cá nhân

PHẦN B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

BKS PVI hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVI. BKS tổ chức họp định kỳ hàng quý giữa các thành viên với nội dung: (i) Kiểm điểm tình hình thực hiện các kiến nghị của BKS trong quý trước; (ii) Trao đổi làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của PVI với đại diện Hội đồng quản trị, đại diện Ban điều hành và các cán bộ liên quan; (iii) Thống nhất những ý kiến đánh giá, kiến nghị với PVI; và (iv) Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch hoạt động của BKS. BKS định kỳ tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của PVI qua các báo cáo từ các ban nghiệp vụ, người đại diện của PVI tại các công ty con và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan. Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro, Ban kiểm toán nội bộ, xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra giám sát và thực hiện kiểm tra giám sát.

Nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm:

- Giám sát việc triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD).
- Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVI.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế của người đại diện PVI tại các công ty con và công ty liên kết.
- Giám sát và đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch quý và năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính quý và năm; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính quý và năm...

Ban kiểm soát gồm có 04 kiểm soát viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách làm Trưởng ban và 3 kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2021. Cụ thể như sau:

- Trưởng ban kiểm soát – Bà Hà Lan: Chủ trì và ký các báo cáo trình ĐHĐCĐ; Chủ trì các cuộc họp BKS và ký các văn bản kiến nghị với HĐQT, Ban TGD và các bộ phận liên quan; Phê duyệt kế hoạch và chương trình họp, chương trình kiểm tra giám sát năm và quý và trực tiếp phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện kiểm tra giám sát; Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các quy chế và quy định nội bộ. Kiểm tra, đánh giá các báo cáo và việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện của PVI làm công tác kiểm tra giám sát tại công ty con. Phối hợp với thành viên khác thực hiện phân tích và thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Giám sát việc xây dựng và triển khai các dự án về Quản trị rủi ro; Kế toán; Rà soát các hợp đồng giao dịch với người có liên quan thuộc quyền phê duyệt của HĐQT và ĐHĐCĐ. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên và tổng hợp các ý kiến thảo luận trong BKS; Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Họp giao ban và họp chuyên đề; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Lê Tài Đức (Bổ nhiệm từ ngày 20/3/2020 theo NQ số 01/2020/NQ- ĐHĐCĐ): Tổng hợp báo cáo từ người đại diện tại các công ty con định kỳ hoặc đột xuất theo chương trình của BKS; Báo cáo đánh giá về hoạt động đầu tư và công tác tuân thủ; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.
- Thành viên kiêm nhiệm - Ông Oliver Massmann: Rà soát quy chế quy định nội bộ và các nghị quyết HĐQT; Thực hiện công việc do TBKS phân công; Không trực tiếp tham dự các cuộc họp BKS trong kỳ mà thực hiện ủy quyền theo đúng quy định pháp luật;
- Thành viên kiêm nhiệm- Ông Daryl John Vella: Rà soát Báo cáo tài chính; Phân tích các chỉ tiêu tài chính và đánh giá việc ghi chép sổ sách kế toán; Đánh giá công tác kiểm toán nội bộ, tuân thủ và quản trị rủi ro trong toàn hệ thống; Tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS; Đề xuất ý kiến về tình hình hoạt động của PVI trong kỳ.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đã tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVI nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVI đạt hiệu quả cao nhất.

- **Thù lao và chi phí hoạt động của BKS:** Trong năm 2021 PVI đã chi trả thù lao cho 4 thành viên BKS trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 3 thành viên kiêm nhiệm, bao gồm 12 tháng lương + 03 tháng lương bổ sung theo Quy chế trả lương (không bao gồm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020), tổng cộng là: 2.241.000.000 đồng. Chi tiết tiền lương và thù lao như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao
1	Bà Hà Lan	Trưởng BKS	2.025
2	Ông Lê Tài Đức	TV BKS kiêm nhiệm	72
3	Ông Daryl John Vella	TV BKS kiêm nhiệm	72
4	Ông Oliver Massmann	TV BKS kiêm nhiệm	72

+ Ngoài ra, trong năm 2021, thành viên BKS được nhận thêm lương bổ sung hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2020 (đã hạch toán chi phí trong năm 2020) là 800.050.000 đồng.

+ Thành viên BKS chuyên trách được tham gia chương trình bảo hiểm phúc lợi theo các mức đối với từng chức danh, nguồn chi từ chi phí của PVI với thời hạn chương trình 10 năm.

+ Các chi phí hoạt động của BKS trong năm được thực hiện theo đúng quy chế, quy định của PVI

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
1	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Thường xuyên
2	Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.	Thường xuyên
3	Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp theo Quyết định/Chỉ thị/Nghị quyết được phê duyệt.	Thường xuyên
II	Nhiệm vụ định kỳ	
1	Lập báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện.	Tháng 2/2022
2	Phối hợp làm việc với Chủ nhiệm UBKT & QTRR PVI, Kế toán trưởng PVI hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật để lựa chọn Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính 2022 của PVI, trình Đại hội cổ đông thường niên 2022 phê duyệt.	Tháng 1/2022
3	Thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Người lao động và Người quản lý đơn vị.	Quý I
4	Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.	Quý II và Quý 4
5	Tổ chức họp Ban Kiểm soát PVI.	Hàng quý/ Bất thường
6	Rà soát, đánh giá về giao dịch có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Q3/2022 & Q1/2023
7	Giám sát việc triển khai xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro của PVI Holdings và các công ty con.	Hàng Quý

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ thường xuyên	
8	Kiểm tra/giám sát hoạt động của PVI tại các Công ty con và việc bảo toàn vốn của PVI tại các Công ty này.	Hàng Quý
9	Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo theo quy định, trong đó:	
	Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021;	Tháng 1
	Thực hiện Thẩm định Báo cáo tài chính Quý; bán niên năm 2022.	Tháng 4, 7, 10
10	Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; tình hình thực hiện KH SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.	Hàng Quý
11	Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị;	Khi có yêu cầu
12	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại đơn vị.	Hàng Quý
13	Lập báo cáo giám sát hàng quý và các báo cáo khác theo yêu cầu của cổ đông lớn và cơ quan quản lý nhà nước	Tháng 1, 4,7,10/theo yêu cầu
15	Giám sát việc xây dựng, giao KH SXKD năm 2023, việc thực hiện chiến lược phát triển của PVI.	Quý IV
17	Làm việc với tư vấn độc lập khi phát sinh nhu cầu sử dụng tư vấn bên ngoài của BKS PVI.	Khi có yêu cầu
18	Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.	Theo Kế hoạch kiểm kê

Nhân sự thực hiện các nội dung công việc nêu trên theo phân công của Trưởng ban kiểm soát.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hà Lan